



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 131 + 132

Ngày 01 tháng 11 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-9-2016- Quyết định số 5032/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5032/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 4036/TTr-SHVTT ngày 19 tháng 8 năm 2016, Tờ trình số 4184/TTr-SVHTT ngày 30 tháng 8 năm 2016 và Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7326/TTr-STP ngày 06 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 58 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: bản quyền tác giả; thi đua khen thưởng; mỹ thuật và triển lãm; văn hóa cơ sở; xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; xuất nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh; thư viện; gia đình và nhiếp ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính trong các lĩnh vực nêu tại Điều 1 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Bản quyền tác giả	
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, tổ chức Việt Nam
2.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, tổ chức Việt Nam
3.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài
II. Lĩnh vực Thi đua, Khen thưởng	
1.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”
2.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”
3.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
4.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
5.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật
6.	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật
7.	Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”
III. Lĩnh vực Mỹ thuật và Triển lãm	
1.	Thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật
2.	Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)

3.	Thủ tục cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
4.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
5.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài.
6.	Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam
IV. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
1.	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức Lễ hội
2.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn
3.	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
4.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
5.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
6.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
V. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	
1.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao
2.	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương
VI. Lĩnh vực Nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh	
1.	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu
2.	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu
VII. Lĩnh vực Thư viện	
1.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên

VIII. Lĩnh vực Gia đình	
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
3.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
6.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
7.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
8.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
9.	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
10.	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
IX. Lĩnh vực Nhiếp ảnh	
1.	Thủ tục tiếp nhận văn bản thông báo đối với vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam không phải do các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tổ chức nước ngoài tổ chức.
2.	Thủ tục triển lãm tác phẩm Nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)
3.	Thủ tục đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không phải đại diện cho quốc gia Việt Nam.
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN	
I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
1.	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt

	chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
2.	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
3.	Thủ tục công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa” và trưng dương
4.	Thủ tục công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và trưng dương
5.	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
6.	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
7.	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
8.	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
II. Lĩnh vực Thư viện	
1.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản
III. Lĩnh vực Gia đình	
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
3.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
6.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	
1.	Thủ tục công nhận gia đình văn hóa

II. Lĩnh vực Thư viện	
1.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

I. Lĩnh vực Bản quyền tác giả:

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, tổ chức Việt Nam:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả cư trú hoặc có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đăng ký quyền tác giả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hoá và Thể thao gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Cục Bản quyền tác giả xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho người nộp đơn và gửi kết quả cho Sở Văn hoá và Thể thao để trả cho người nộp đơn. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả thì phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

- **Bước 5:** Tổ chức, cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Tờ khai đăng ký quyền tác giả (theo mẫu).

Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt và do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người được ủy quyền nộp đơn ký tên và ghi đầy đủ thông tin về người nộp đơn, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong đơn;

- + Hai (02) bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả;
- + Giấy uỷ quyền, nếu người nộp đơn là người được uỷ quyền;
- + Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa;
- + Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;
- + Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả thuộc sở hữu chung.

Các tài liệu quy định tại các điểm thứ 3, 4, 5 và 6 trên đây phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được công chứng, chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả là cá nhân, tổ chức Việt Nam cư trú hoặc có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bản quyền tác giả.
- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hoá và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác (gọi chung là loại hình tác phẩm viết);

+ Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;

+ Tác phẩm báo chí;

+ Tác phẩm âm nhạc;

+ Tác phẩm nhiếp ảnh.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm kiến trúc;

+ Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 400.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm tạo hình;

+ Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm điện ảnh;

+ Tác phẩm sân khấu được định hình trên băng, đĩa.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu hoặc các chương trình chạy trên máy tính: 600.000 đồng/Giấy chứng nhận

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký quyền tác giả (theo Mẫu số 01 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

- Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (theo Mẫu số 03 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 10 năm 2006.

- Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2011.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2009.

MẪU SỐ 01*(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL**Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả

1. Người nộp tờ khai:

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Là (*tác giả/tác giả đồng thời là chủ sở hữu/chủ sở hữu quyền tác giả/người được ủy quyền*):.....

Sinh ngày:..... tháng..... năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (*hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức*):

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nộp Tờ khai đăng ký quyền tác giả cho (*tác giả/ tác giả đồng thời là chủ sở hữu/chủ sở hữu quyền tác giả*):**2. Tác phẩm đăng ký:**

Tên tác phẩm:

Loại hình (*theo Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ*):

Ngày hoàn thành tác phẩm:

Công bố/chưa công bố:

Ngày công bố:

Hình thức công bố (*hình thức phát hành bản sao như xuất bản, ghi âm, ghi hình*):

.....

Nơi công bố: Tỉnh/Thành phố..... Nước.....

Nội dung chính của tác phẩm (*nêu tóm tắt nội dung tác phẩm - nội dung tác phẩm do tác giả/đồng tác giả sáng tạo, không sao chép từ tác phẩm của người khác, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam*):.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Trường hợp tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh:

Tên tác phẩm gốc:.....

Ngôn ngữ gốc (*đối với tác phẩm dịch*):.....

Tác giả của tác phẩm gốc:..... Quốc tịch:.....

Chủ sở hữu tác phẩm gốc:.....

(Nếu tác phẩm gốc hết thời hạn bảo hộ, ghi “tác phẩm hết thời hạn bảo hộ” và nguồn thông tin:.....)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tác giả (khai đầy đủ các đồng tác giả, nếu có):

Họ và tên:..... Quốc tịch:.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bút danh:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước của công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email.....

5. Chủ sở hữu quyền tác giả (khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu, nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....Quốc tịch.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền (tác giả tự sáng tạo/theo hợp đồng/theo quyết định giao việc, thừa kế...):.....

6. Trường hợp cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả:

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên tác phẩm:.....

Loại hình:.....

Tác giả:.....Quốc tịch.....

Chủ sở hữu:.....Quốc tịch.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Lý do cấp lại, đổi Giấy chứng nhận:.....

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

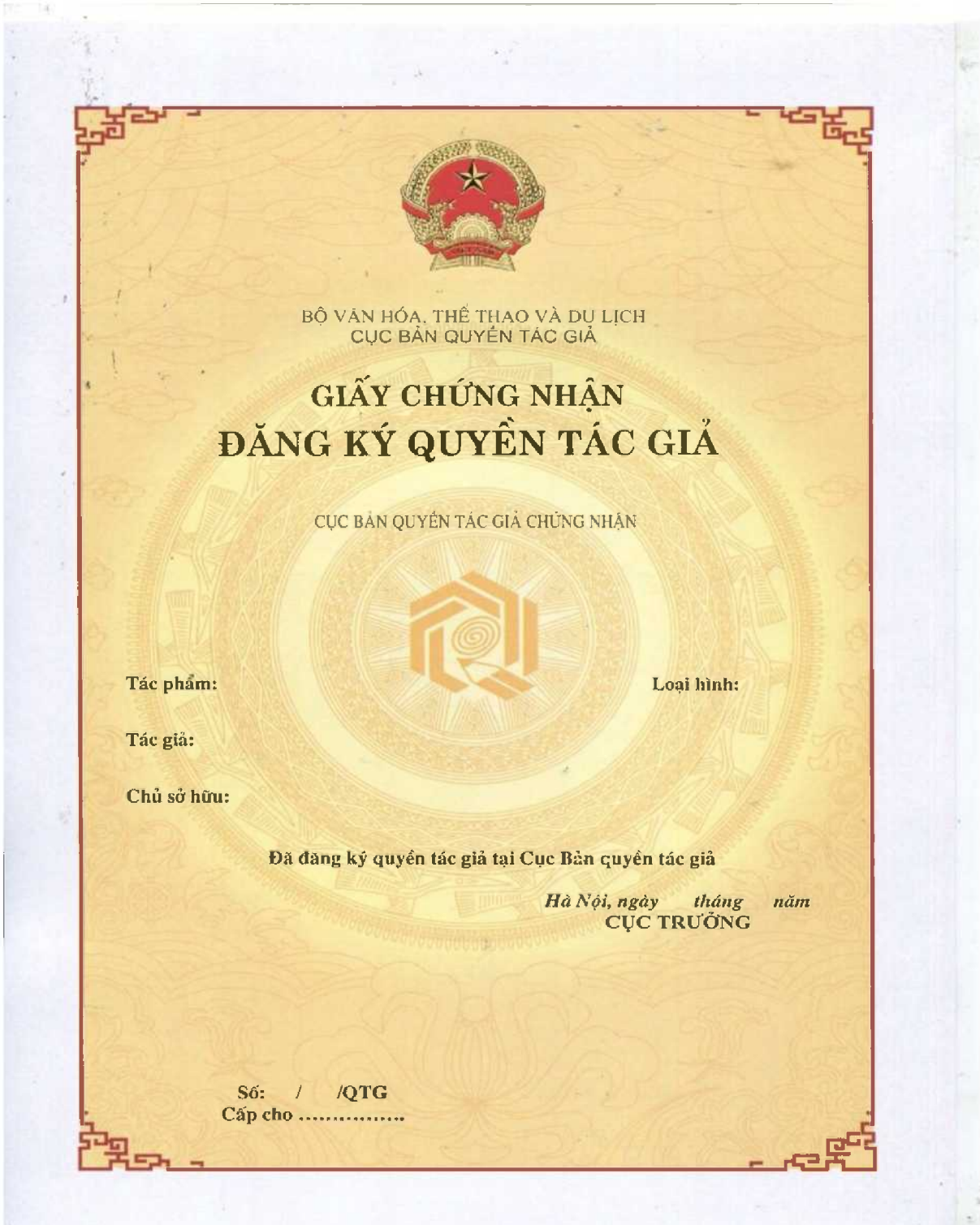
....., ngày.....tháng.....năm.....

Người nộp đơn
(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là tổ chức)

MẪU SỐ 03

(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL

Ngày 02 tháng 07 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)



2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, tổ chức Việt Nam:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan cư trú hoặc có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đăng ký quyền liên quan tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hoá và Thể thao gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Cục Bản quyền tác giả xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp đơn và gửi kết quả cho Sở Văn hoá và Thể thao để trả cho người nộp đơn. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

- **Bước 5:** Tổ chức, cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo mẫu).

Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt và do chính tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc người được ủy quyền nộp đơn ký tên và ghi đầy đủ thông tin về người nộp đơn, tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong đơn;

+ Hai (02) bản sao tác phẩm đăng ký quyền liên quan;

+ Giấy uỷ quyền, nếu người nộp đơn là người được uỷ quyền;

+ Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa;

+ Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;

+ Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền liên quan thuộc sở hữu chung.

Các tài liệu quy định tại các điểm thứ 3, 4, 5 và 6 trên đây phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được công chứng, chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam cư trú hoặc có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bản quyền tác giả.

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hoá và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định

hình trên Bản ghi âm: 200.000 đồng/Giấy chứng nhận.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định hình trên Bản ghi hình: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định hình trên Chương trình phát sóng: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Bản ghi âm: 200.000 đồng/Giấy chứng nhận.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Bản ghi hình: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Chương trình phát sóng: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 02 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

- Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 04 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 10 năm 2006

- Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2011.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2009.

MẪU SỐ 02*(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL**Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả

1. Người nộp tờ khai:

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Là *(chủ sở hữu quyền liên quan/người được ủy quyền)*:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu *(hoặc số đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập nếu là tổ chức)*:

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email.....

Nộp đơn đăng ký quyền liên quan cho:

2. Đối tượng đăng ký quyền liên quan:

Tên cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng:

Đăng ký quyền liên quan đối với *(quyền của người biểu diễn/quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình/tổ chức phát sóng)*:

Ngày hoàn thành:

Công bố/chưa công bố:

Hình thức công bố *(hình thức phát hành bản sao)*:.....

Ngày công bố:

Nơi công bố: Tỉnh/Thành phố.....Nước.....

Nội dung Cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng *(nêu tóm tắt nội dung cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng - nội dung do cá nhân/tổ chức tự thực hiện, không sao chép, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam)*:.....**3. Tác phẩm/bản ghi thuộc quyền liên quan được sử dụng trong cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng (nếu có):**

Tên tác phẩm/bản ghi:.....

Loại hình:.....

Tác giả:.....

Chủ sở hữu quyền:.....

4. Những người biểu diễn/sản xuất bản ghi âm, ghi hình/thực hiện chương trình phát sóng (khai đầy đủ những người thực hiện):

Họ và tên:..... Quốc tịch.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại..... Email.....

5. Chủ sở hữu quyền liên quan (khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu, nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền: (tự đầu tư thực hiện/theo hợp đồng/theo quyết định giao việc/ thừa kế...)

6. Trường hợp cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng:.....

Chủ sở hữu:.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Lý do cấp lại, đổi Giấy chứng nhận:.....

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

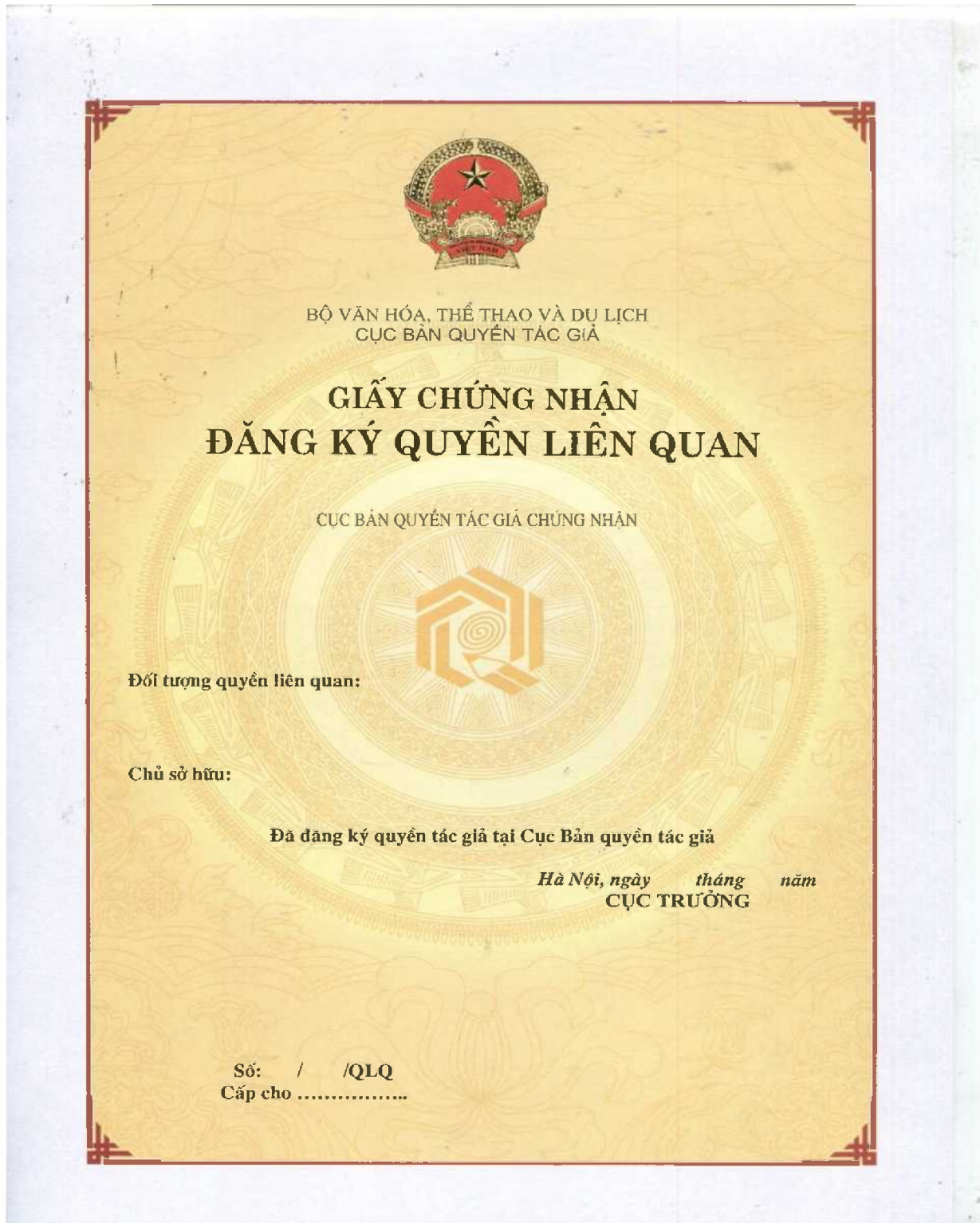
Người nộp đơn

(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là tổ chức)

MẪU SỐ 04

(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL

Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)



3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân, pháp nhân nước ngoài có tác phẩm, chương trình biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ quyền tác giả có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nộp một (01) bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Cục Bản quyền tác giả xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho người nộp đơn và gửi kết quả cho Sở Văn hoá và Thể thao để trả cho người nộp đơn. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả thì phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

- **Bước 5:** Cá nhân, pháp nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

- + Tờ khai đăng ký quyền tác giả (theo mẫu).

Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt và do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người được ủy quyền nộp đơn ký tên và ghi đầy đủ thông tin về người nộp đơn, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong đơn;

- + Hai (02) bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả;
- + Giấy uỷ quyền, nếu người nộp đơn là người được uỷ quyền;
- + Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa;
- + Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;
- + Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả thuộc sở hữu chung.

Các tài liệu quy định tại các điểm 3, 4, 5 và 6 trên đây phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được công chứng, chứng thực.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, pháp nhân nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bản quyền tác giả.
- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hoá và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

– Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác (gọi chung là loại hình tác phẩm viết);

+ Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;

+ Tác phẩm báo chí;

+ Tác phẩm âm nhạc;

+ Tác phẩm nhiếp ảnh.

– Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm kiến trúc;

+ Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học.

– Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 400.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm tạo hình;

+ Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng.

– Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với các loại hình tác phẩm dưới đây: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Tác phẩm điện ảnh;

+ Tác phẩm sân khấu được định hình trên băng, đĩa.

– Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, áp dụng đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu hoặc các chương trình chạy trên máy tính: 600.000 đồng/Giấy chứng nhận

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Tờ khai đăng ký quyền tác giả (theo Mẫu số 01 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

– Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (theo Mẫu số 03 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu

lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 10 năm 2006.

- Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2011.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2009.

MẪU SỐ 01*(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL**Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả

1. Người nộp tờ khai:

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Là (*tác giả/tác giả đồng thời là chủ sở hữu/chủ sở hữu quyền tác giả/người được ủy quyền*):.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (*hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức*):

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:.....

Nộp Tờ khai đăng ký quyền tác giả cho (*tác giả/ tác giả đồng thời là chủ sở hữu/chủ sở hữu quyền tác giả*):**2. Tác phẩm đăng ký:**

Tên tác phẩm:

Loại hình (*theo Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ*):

Ngày hoàn thành tác phẩm:

Công bố/chưa công bố:

Ngày công bố:

Hình thức công bố (*hình thức phát hành bản sao như xuất bản, ghi âm, ghi hình*):

.....

Nơi công bố: Tỉnh/Thành phố.....Nước.....

Nội dung chính của tác phẩm (*nêu tóm tắt nội dung tác phẩm - nội dung tác phẩm do tác giả/đồng tác giả sáng tạo, không sao chép từ tác phẩm của người khác, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam*):.....

.....

.....

.....

3. Trường hợp tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh:

Tên tác phẩm gốc:.....

Ngôn ngữ gốc (*đối với tác phẩm dịch*):.....

Tác giả của tác phẩm gốc:..... Quốc tịch:.....

Chủ sở hữu tác phẩm gốc:.....

*(Nếu tác phẩm gốc hết thời hạn bảo hộ, ghi “tác phẩm hết thời hạn bảo hộ” và nguồn thông tin:.....)***4. Tác giả (khai đầy đủ các đồng tác giả, nếu có):**

Họ và tên:..... Quốc tịch:.....

Bút danh:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước của công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại..... Email.....

5. Chủ sở hữu quyền tác giả (khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu, nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền (tác giả tự sáng tạo/theo hợp đồng/theo quyết định giao việc, thừa kế...):.....

6. Trường hợp cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả:

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên tác phẩm:.....

Loại hình:.....

Tác giả:..... Quốc tịch.....

Chủ sở hữu:..... Quốc tịch.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Lý do cấp lại, đổi Giấy chứng nhận:.....

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

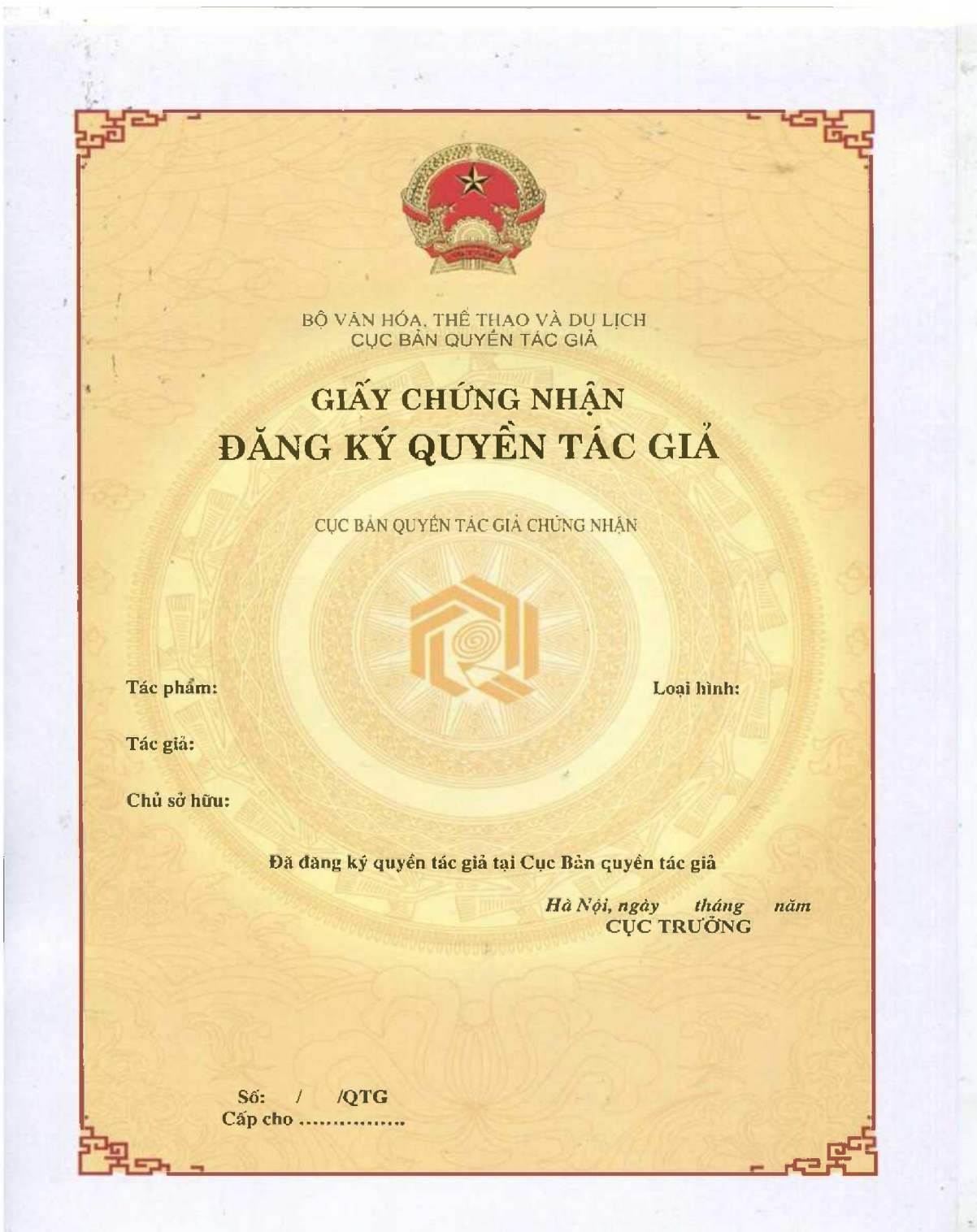
Người nộp đơn

(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là tổ chức)

MẪU SỐ 03

(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL

Ngày 02 tháng 07 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)



4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho cá nhân, pháp nhân nước ngoài:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân, pháp nhân nước ngoài có tác phẩm, chương trình biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được bảo hộ quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan nộp một bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Cục Bản quyền tác giả xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp đơn và gửi kết quả cho Sở Văn hoá và Thể thao để trả cho người nộp đơn. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả thì phải thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn.

- **Bước 5:** Cá nhân, pháp nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo mẫu).

Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt và do chính tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc người được ủy quyền nộp đơn ký tên và ghi đầy đủ thông tin về người nộp đơn, tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong đơn;

+ Hai (02) bản sao tác phẩm đăng ký quyền liên quan;

+ Giấy uỷ quyền, nếu người nộp đơn là người được uỷ quyền;

+ Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa;

+ Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;

+ Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền liên quan thuộc sở hữu chung.

Các tài liệu quy định tại các điểm 3, 4, 5 và 6 trên đây phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được công chứng, chứng thực.

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, pháp nhân nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bản quyền tác giả.

– Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hoá và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định hình trên Bản ghi âm: 200.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định hình trên Bản ghi hình: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn được định hình trên Chương trình phát sóng: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Bản ghi âm: 200.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Bản ghi hình: 300.000 đồng/Giấy chứng nhận.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền liên quan đối với Chương trình phát sóng: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 02 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

- Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 04 Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 17 tháng 10 năm 2006

- Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11

năm 2011.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 7 năm 2016 quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả, quyền liên quan. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2009.

MẪU SỐ 02*(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL**Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả

1. Người nộp tờ khai:

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Là *(chủ sở hữu quyền liên quan/người được ủy quyền)*:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu *(hoặc số đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập nếu là tổ chức)*:

Ngày cấp: tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email.....

Nộp đơn đăng ký quyền liên quan cho:

2. Đối tượng đăng ký quyền liên quan:

Tên cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng:

.....

Đăng ký quyền liên quan đối với *(quyền của người biểu diễn/quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình/tổ chức phát sóng)*:

Ngày hoàn thành:

Công bố/chưa công bố:

Hình thức công bố *(hình thức phát hành bản sao)*:.....

Ngày công bố:

Nơi công bố: Tỉnh/Thành phố.....Nước.....

Nội dung Cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng *(nếu tóm tắt nội dung cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng - nội dung do cá nhân/tổ chức tự thực hiện, không sao chép, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam)*:.....

.....

.....

.....

3. Tác phẩm/bản ghi thuộc quyền liên quan được sử dụng trong cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng (nếu có):

Tên tác phẩm/bản ghi:.....

Loại hình:.....

Tác giả:.....

Chủ sở hữu quyền:.....

4. Những người biểu diễn/sản xuất bản ghi âm, ghi hình/thực hiện chương trình phát sóng (khai đầy đủ những người thực hiện):

Họ và tên:.....Quốc tịch.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại.....Email.....

5. Chủ sở hữu quyền liên quan (khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu, nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....Quốc tịch.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Ngày cấp:tại:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Email.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền: (tự đầu tư thực hiện/theo hợp đồng/theo quyết định giao việc/thừa kế...).....

6. Trường hợp cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng:.....

Chủ sở hữu:.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc số đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập nếu là tổ chức):

Lý do cấp lại, đổi Giấy chứng nhận:.....

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

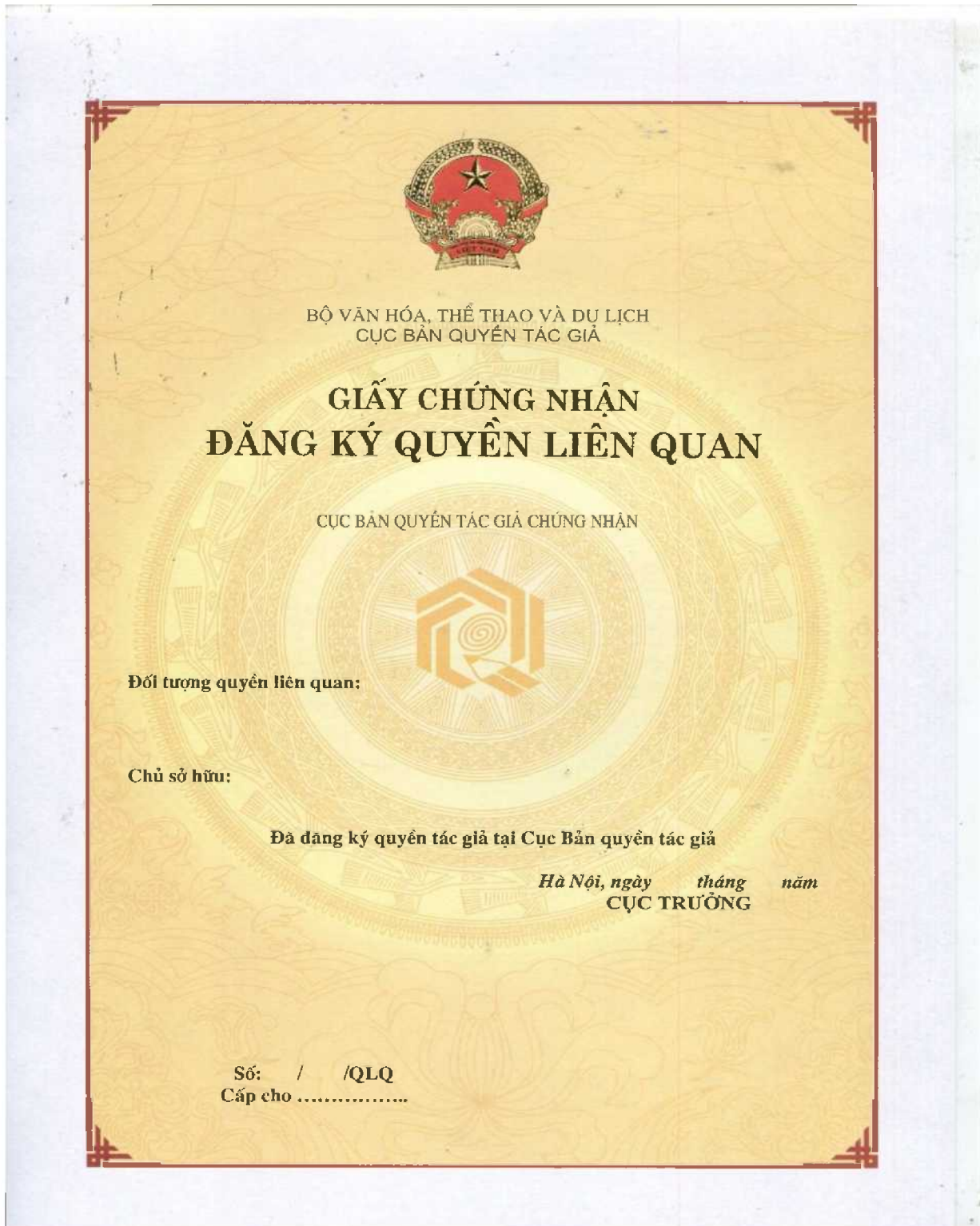
Người nộp đơn

(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là tổ chức)

MẪU SỐ 04

(Ban hành theo Thông tư số 08 /2016/TT-BVHTTDL

Ngày 02 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)



II. Lĩnh vực Thi đua, Khen thưởng

1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi một (01) bộ hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao do Giám đốc Sở thành lập có trách nhiệm: Tổ chức họp xem xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định; Thông báo công khai kết quả xét tặng trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch; Hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp Bộ, tỉnh theo thời gian quy định trong Kế hoạch và gửi một (01) bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bước 4:** Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: Xem xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ

nhân dân” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi một (01) bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

- **Bước 5:** Hội đồng cấp Nhà nước: thực hiện qua hai (02) bước:

+ Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: có trách nhiệm xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi một (01) bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước.

+ Hội đồng cấp Nhà nước có trách nhiệm xem xét, đánh giá và bỏ phiếu lựa chọn cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá lựa chọn cá nhân; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi ba (03) bộ đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

- **Bước 6:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” của Chủ tịch nước.

- **Bước 7:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp tỉnh.

+ Lần 2: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực các Quyết định tặng giải thưởng: danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và ít nhất hai (02) Giải Vàng quốc gia sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

Các Giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Bản xác nhận của cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm đạt giải Vàng hoặc Bạc dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia (nếu có);

+ Bản sao các Quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

– Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố ba (03) năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

– Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao thông báo công khai kết quả xét tặng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá lựa chọn cá nhân trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính, Bằng chứng nhận và Huy hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, Mẫu tờ khai:

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (theo Mẫu

số 1a Phụ lục I Nghị định số 89/2014/NĐ-CP).

– Bảng quy đổi giải thưởng (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– **Điều kiện 1:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” trước mỗi đợt xét tặng.

– **Điều kiện 2:** Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định khi đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc, tiêu biểu cho ngành, nghề nghệ thuật; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

+ Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên;

+ Đã được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và có ít nhất hai (02) Giải Vàng quốc gia sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

Các Giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Mẫu số 1a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ).

Ảnh màu
4 x 6
(đóng dấu
giáp lại)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh):.....Giới tính: ...
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân: Ngày cấp.....Nơi cấp:
5. Dân tộc:.....
6. Nguyên quán:.....
7. Hộ khẩu thường trú:.....
8. Đơn vị công tác:.....
9. Chức vụ hiện nay:.....
10. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
11. Chức danh nghệ thuật làm lâu nhất (từ 20 năm trở lên; nghệ thuật Xiếc, Múa từ 15 năm trở lên) đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (yêu cầu ghi cụ thể chức danh đề nghị xét tặng danh hiệu).....
12. Năm tham gia công tác:.....
13. Năm tham gia hoạt động nghệ thuật:.....
14. Năm được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.....
15. Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động:
địa chỉ e-mail:.....
16. Địa chỉ liên hệ:.....

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn) đặc biệt là thời gian từ sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến nay:

Thời gian (Từ tháng, năm... đến tháng, năm...)	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức danh nghệ thuật, chức vụ
...		

III. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến thời điểm nộp hồ sơ

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng
...		

2. Khen thưởng về nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các Liên hoan nghệ thuật, Hội diễn nghệ thuật; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng)

Năm	Tên Giải thưởng	Tên tác phẩm được giải	Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng	Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm (đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể)
...				

IV. KỶ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(đối với nghệ sĩ thuộc đơn vị nghệ thuật)
(ký tên, đóng dấu)

(địa danh), ngày..... tháng..... năm....
Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND phường (xã) nơi cá nhân có hộ khẩu thường trú

(đối với nghệ sĩ tự do hoặc nghệ sĩ đã nghỉ hưu)

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II
BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

I. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

1. Lấy Bông Sen Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam) làm chuẩn.

2. Đối với tiêu chuẩn 02 Bông Sen Vàng quy định là thành tích nghệ thuật để xem xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú: Cá nhân nghệ sĩ phải có 01 Bông Sen Vàng chính thức, chỉ được quy đổi 01 Bông Sen Vàng từ các giải Vàng khác.

3. Chỉ quy đổi sang Bông Sen Vàng đối với:

- Cánh Diều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;

- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;

- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Liên hoan, Cuộc thi về chuyên ngành điện ảnh khác đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông Sen Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Diều Vàng dành cho bộ phim - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng

7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
---	--	---------------------

5. Một (01) bộ phim được tặng Bông Sen Vàng thì cá nhân nghệ sĩ được hưởng quy đổi giải thưởng như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông Sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng
2	Quay phim	= 1/2 Bông Sen Vàng
3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Người làm âm thanh chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

II. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ÂM NHẠC

1. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế.

3. Các giải thưởng khác của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Âm nhạc đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật	= 01 Huy chương Vàng

3	biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới) Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	= 2/3 Huy chương Vàng
6	Liên hoan Dân ca; Giọng hát hay trên sóng phát thanh toàn quốc	= 1/2 Huy chương Vàng
7	Giọng hát Vàng ASEAN	= 1/2 Huy chương Vàng

5. Thành tích nghệ thuật được tặng **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp Ca, Múa, Nhạc	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy dàn nhạc, Chỉ huy hợp xướng, chỉ huy giao hưởng nhạc vũ kịch	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Chỉ đạo nghệ thuật xuất sắc	= 1/3 Huy chương Vàng
4	Diễn viên hát chính	= 1/3 Huy chương Vàng
5	Nhạc công chính	= 1/3 Huy chương Vàng
6	Nhạc công	= 1/4 Huy chương Vàng

III. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC MÚA

1. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế.

3. Các giải thưởng khác của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Múa đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới)	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.	= 2/3 Huy chương Vàng

5. Thành tích nghệ thuật của tác phẩm được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp Ca, Múa, Nhạc	= 01 Huy chương Vàng
2	Biên đạo múa (vở kịch múa, tiết mục múa)	= 01 Huy chương Vàng

3	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/2 Huy chương Vàng
4	Diễn viên múa chính	= 1/2 Huy chương Vàng

IV. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC SÂN KHẤU

1. Lấy **Huy chương Vàng** của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế.

3. Các **giải thưởng khác** của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Sân khấu đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Giải “Đạo diễn xuất sắc nhất” tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới)	= 01 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Giải “Đạo diễn xuất sắc nhất” tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
6	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành	= 2/3 Huy chương Vàng

7	Trung ương tổ chức Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	= 2/3 Huy chương Vàng
---	--	-----------------------

5. Thành tích nghệ thuật của tác phẩm được tặng **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn các loại hình nghệ thuật: Tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, kịch nói, kịch hình thể, nhạc kịch, Nhạc vũ kịch; Ca kịch, xiếc, múa rối	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Họa sĩ tạo hình con rối	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Diễn viên chính (tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, kịch nói, kịch hình thể, nhạc kịch, Nhạc vũ kịch; Ca kịch, xiếc, múa rối).	= 1/2 Huy chương Vàng
5	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu, chương trình nghệ thuật tổng hợp.	= 1/3 Huy chương Vàng
6	Họa sĩ hóa trang, phục trang.	= 1/3 Huy chương Vàng
7	Người làm âm nhạc, âm thanh trong sân khấu	= 1/3 Huy chương Vàng
8	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/3 Huy chương Vàng
9	Nhạc công chính	= 1/3 Huy chương Vàng
10	Nhạc công	= 1/4 Huy chương Vàng

V. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

1. Lấy Bông Sen Vàng, Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam)
2. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.
3. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong

nước hoặc quốc tế.

4. Chỉ quy đổi sang **Bông Sen Vàng** đối với:

- Cánh Điều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;
- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim Quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;
- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

5. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Phát thanh, Truyền hình đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng hoặc Huy chương Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Điều Vàng dành cho bộ phim - Giải chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Liên hoan Phát thanh toàn quốc	= 1/2 Huy chương Vàng

6. Một (01) bộ phim được tặng **Bông Sen Vàng** thì cá nhân nghệ sĩ được hưởng quy đổi giải thưởng như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng
2	Quay phim	= 1/2 Bông Sen Vàng

3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Đạo diễn âm thanh	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

7. Thành tích nghệ thuật được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A của 01 vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng phát thanh.	= 2/3 Huy chương Vàng
2	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng truyền hình.	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu truyền hình.	= 1/3 Huy chương Vàng

1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi một (01) bộ hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao do Giám đốc Sở thành lập có trách nhiệm: Tổ chức họp xem xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định; Thông báo công khai kết quả xét tặng trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch; Hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp Bộ, tỉnh theo thời gian quy định trong Kế hoạch và gửi một (01) bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bước 4:** Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: Xem xét, đánh giá đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi một (01)

bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

- **Bước 5:** Hội đồng cấp Nhà nước: thực hiện qua hai (02) bước:

+ Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: có trách nhiệm xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi một (01) bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước.

+ Hội đồng cấp Nhà nước có trách nhiệm xem xét, đánh giá và bỏ phiếu lựa chọn cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá lựa chọn cá nhân; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi ba (03) bộ đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

- **Bước 6:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” của Chủ tịch nước.

- **Bước 7:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp tỉnh.

+ Lần 2: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hoá và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực các Quyết định tặng giải thưởng: ít nhất hai (02) Giải Vàng quốc gia hoặc một (01) Giải Vàng quốc gia và hai (02) Giải Bạc quốc gia. (Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP. Tỷ lệ quy đổi các giải Bạc trong nước và quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể sang giải Bạc quốc gia được tính như tỷ lệ quy đổi của giải Vàng).

+ Bản xác nhận của cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm đạt giải Vàng hoặc Bạc dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia (nếu có);

+ Bản sao các Quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

– Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố ba (03) năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

– Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao thông báo công khai kết quả xét tặng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ

Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá lựa chọn cá nhân trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính, Bằng chứng nhận và Huy hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, Mẫu tờ khai:

– Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I Nghị định số 89/2014/NĐ-CP).

– Bảng quy đổi giải thưởng (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– **Điều kiện 1:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” trước mỗi đợt xét tặng

– **Điều kiện 2:** Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định khi đạt các tiêu chuẩn sau đây:

+ Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương;

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, gương Mẫu trong cuộc sống, tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

+ Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ mười lăm (15) năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ mười (10) năm trở lên;

+ Có ít nhất hai (02) Giải Vàng quốc gia hoặc một (01) Giải Vàng quốc gia và hai (02) Giải Bạc quốc gia.

Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo số 89/2014/NĐ-CP.

Tỷ lệ quy đổi các giải Bạc trong nước và quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể sang giải Bạc quốc gia được tính như tỷ lệ quy đổi của giải Vàng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Mẫu số 1b

(Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
4 x 6
(đóng dấu
giáp lai)

**BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ
 XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ ƯU TÚ”**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh):.....Giới tính:.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân: Ngày cấp:.....
 Nơi cấp:
5. Dân tộc:.....
6. Nguyên quán:.....
7. Hộ khẩu thường trú:.....
8. Đơn vị công tác:.....
9. Chức vụ hiện nay:.....
10. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
11. Chức danh nghệ thuật làm lâu nhất (từ 15 năm trở lên; nghệ thuật Xiếc, Múa từ 10 năm trở lên) đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (ghi rõ chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu).....
12. Năm tham gia công tác:.....
13. Năm tham gia hoạt động nghệ thuật:.....
14. Điện thoại gia đình, cá nhân: (Số di động; Email).....
15. Địa chỉ liên hệ:.....

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn).

Thời gian (Từ tháng, năm... đến tháng, năm...)	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức danh nghệ thuật, chức vụ

III. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng

2. Khen thưởng về nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các Liên hoan nghệ thuật, Hội diễn nghệ thuật; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng):

Năm	Tên Giải thưởng	Tên tác phẩm được giải	Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng	Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm (đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể)

IV. KỶ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định):

.....

 Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
 (đối với nghệ sỹ thuộc đơn vị nghệ thuật)
 (ký tên, đóng dấu)

(địa danh), ngày..... tháng..... năm....
Người khai
 (ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND phường (xã) nơi cá nhân có hộ khẩu thường trú
(đối với nghệ sỹ tự do hoặc nghệ sỹ đã nghỉ hưu)
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II**BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

I. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

1. Lây Bông Sen Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam) làm chuẩn.

2. Đối với tiêu chuẩn 02 Bông Sen Vàng quy định là thành tích nghệ thuật để xem xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú: Cá nhân nghệ sĩ phải có 01 Bông Sen Vàng chính thức, chỉ được quy đổi 01 Bông Sen Vàng từ các giải Vàng khác.

3. Chỉ quy đổi sang Bông Sen Vàng đối với:

- Cánh Diều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;
- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;
- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Liên hoan, Cuộc thi về chuyên ngành điện ảnh khác đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông Sen Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Diều Vàng dành cho bộ phim - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng

7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
---	--	---------------------

5. Một (01) bộ phim được tặng Bông Sen Vàng thì cá nhân nghệ sĩ được hưởng quy đổi giải thưởng như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông Sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng
2	Quay phim	= 1/2 Bông Sen Vàng
3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Người làm âm thanh chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

II. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC ÂM NHẠC

1. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế.

3. Các giải thưởng khác của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Âm nhạc đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp	= 01 Huy chương Vàng

3	Vàng tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới) Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	= 2/3 Huy chương Vàng
6	Liên hoan Dân ca; Giọng hát hay trên sóng phát thanh toàn quốc	= 1/2 Huy chương Vàng
7	Giọng hát Vàng ASEAN	= 1/2 Huy chương Vàng

5. Thành tích nghệ thuật được tặng **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp Ca, Múa, Nhạc	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy dàn nhạc, Chỉ huy hợp xướng, chỉ huy giao hưởng nhạc vũ kịch	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Chỉ đạo nghệ thuật xuất sắc	= 1/3 Huy chương Vàng
4	Diễn viên hát chính	= 1/3 Huy chương Vàng
5	Nhạc công chính	= 1/3 Huy chương Vàng
6	Nhạc công	= 1/4 Huy chương Vàng

III. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC MÚA

1. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong

nước hoặc quốc tế.

3. Các giải thưởng khác của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Múa đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới)	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.	= 2/3 Huy chương Vàng

5. Thành tích nghệ thuật của tác phẩm được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp Ca, Múa, Nhạc	= 01 Huy chương Vàng
2	Biên đạo múa (vở kịch múa, tiết mục múa)	= 01 Huy chương Vàng

3	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/2 Huy chương Vàng
4	Diễn viên múa chính	= 1/2 Huy chương Vàng

IV. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC SÂN KHẤU

1. Lấy **Huy chương Vàng** của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.

2. Chỉ xem xét quy đổi **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong nước hoặc quốc tế.

3. Các **giải thưởng khác** của Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc, Bộ, ngành, quốc tế (khu vực và thế giới), tùy theo tính chất, quy mô, tầm cỡ sẽ được Hội đồng tham khảo khi xét từng trường hợp cụ thể.

4. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Sân khấu đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
2	Giải “Đạo diễn xuất sắc nhất” tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 01 Huy chương Vàng
3	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (khu vực và thế giới)	= 01 Huy chương Vàng
4	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
5	Giải “Đạo diễn xuất sắc nhất” tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	= 2/3 Huy chương Vàng
6	Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp do các Hội VHNT chuyên ngành	= 2/3 Huy chương Vàng

7	Trung ương tổ chức Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A tại Liên hoan, Hội diễn, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn Ngành của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	= 2/3 Huy chương Vàng
---	--	-----------------------

5. Thành tích nghệ thuật của tác phẩm được tặng **Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A** của tiết mục, vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn các loại hình nghệ thuật: Tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, kịch nói, kịch hình thể, nhạc kịch, Nhạc vũ kịch; Ca kịch, xiếc, múa rối	= 01 Huy chương Vàng
2	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Họa sĩ tạo hình con rối	= 2/3 Huy chương Vàng
4	Diễn viên chính (tuồng, chèo, cải lương, kịch dân ca, kịch nói, kịch hình thể, nhạc kịch, Nhạc vũ kịch; Ca kịch, xiếc, múa rối).	= 1/2 Huy chương Vàng
5	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu, chương trình nghệ thuật tổng hợp.	= 1/3 Huy chương Vàng
6	Họa sĩ hóa trang, phục trang.	= 1/3 Huy chương Vàng
7	Người làm âm nhạc, âm thanh trong sân khấu	= 1/3 Huy chương Vàng
8	Chỉ đạo nghệ thuật	= 1/3 Huy chương Vàng
9	Nhạc công chính	= 1/3 Huy chương Vàng
10	Nhạc công	= 1/4 Huy chương Vàng

V. BẢNG QUY ĐỔI GIẢI THƯỞNG LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

1. Lấy Bông Sen Vàng, Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim quốc gia (Liên hoan phim Việt Nam)
2. Lấy Huy chương Vàng của Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc làm chuẩn.
3. Chỉ xem xét quy đổi Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A, Cúp Vàng của các Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp trong

nước hoặc quốc tế.

4. Chỉ quy đổi sang Bông Sen Vàng đối với:

- Cánh Điều Vàng - Giải thưởng chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam;
- Huy chương Vàng - Giải thưởng chính thức của Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc;
- Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo tại Liên hoan phim Quốc tế dành cho bộ phim và dành cho cá nhân;
- Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan Phim Việt Nam, Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân của Hội Điện ảnh Việt Nam và Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc.

5. Mức quy đổi cụ thể như sau:

STT	Liên hoan, Cuộc thi chuyên ngành Phát thanh, Truyền hình đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng hoặc Huy chương Vàng
1	Giải xuất sắc dành cho cá nhân tại Liên hoan phim Việt Nam	= 01 Bông Sen Vàng
2	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho bộ phim tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
3	Giải thưởng chính thức của Ban Giám khảo dành cho cá nhân tại Liên hoan phim quốc tế	= 01 Bông Sen Vàng
4	Cánh Điều Vàng dành cho bộ phim - Giải chính thức của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Giải của Hội Điện ảnh Việt Nam	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Huy chương Vàng dành cho bộ phim - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Giải thưởng cao nhất dành cho cá nhân - Liên hoan phim Truyền hình toàn quốc	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Liên hoan Phát thanh toàn quốc	= 1/2 Huy chương Vàng

6. Một (01) bộ phim được tặng **Bông Sen Vàng** thì cá nhân nghệ sĩ được hưởng quy đổi giải thưởng như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Bông sen Vàng
1	Đạo diễn	= 01 Bông Sen Vàng

2	Quay phim	= 1/2 Bông Sen Vàng
3	Họa sĩ thiết kế	= 1/2 Bông Sen Vàng
4	Đạo diễn âm thanh	= 1/2 Bông Sen Vàng
5	Diễn viên chính	= 1/2 Bông Sen Vàng
6	Họa sĩ chính (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
7	Họa sĩ động tác (phim hoạt hình)	= 1/2 Bông Sen Vàng
8	Diễn viên thứ chính	= 1/3 Bông Sen Vàng
9	Họa sĩ hóa trang, phục trang	= 1/3 Bông Sen Vàng

7. Thành tích nghệ thuật được tặng Huy chương Vàng, Giải Nhất, Giải A của 01 vở diễn, chương trình tại Hội diễn, Liên hoan, Cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, tính cho cá nhân tham gia, quy đổi như sau:

STT	Thành phần đề nghị quy đổi	Mức quy đổi sang Huy chương Vàng
1	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng phát thanh.	= 2/3 Huy chương Vàng
2	Đạo diễn chương trình văn hóa, nghệ thuật trên sóng truyền hình.	= 2/3 Huy chương Vàng
3	Họa sĩ thiết kế trang trí sân khấu truyền hình.	= 1/3 Huy chương Vàng

2. Thủ tục Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện sáu (06) bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao hướng dẫn để cá nhân lập hồ sơ hoặc cá nhân, tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn.

- **Bước 4:** Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”; Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc hội nghề nghiệp nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang hoạt động để đưa vào hồ sơ đề nghị xét tặng; Thông báo danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng Thành phố Hồ Chí Minh; đăng tải danh sách, bản khai thành tích của các cá nhân đề nghị xét tặng trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc; Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

- **Bước 5:** Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau: Thẩm định về thành phần và tính chính xác, hợp lệ của các tài

liệu có trong hồ sơ; sự đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định; Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ; Thông báo công khai kết quả xét chọn trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc; Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng với năm (05) bộ hồ sơ quy định đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”; Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

- **Bước 6:** Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ thực hiện quy trình xét chọn, gửi báo cáo về kết quả xét chọn đến Hội đồng cấp Nhà nước và thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bước 7:** Hội đồng cấp Nhà nước thực hiện quy trình xét chọn, hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”; gửi báo cáo xét chọn đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

- **Bước 8:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” của Chủ tịch nước.

- **Bước 9:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

+ Lần 2: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp Nhà nước.

+ Lần 3: Nhận thông tin kết quả xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở

Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” (theo mẫu);

+ Các tài liệu chứng minh tri thức, kỹ năng và những đóng góp đối với sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể gồm: Bảng đĩa hình, ảnh mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ; bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng, bằng khen và các tài liệu khác liên quan.

– Số lượng hồ sơ: 06 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.

– Cơ quan nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phong tặng và danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” (theo Mẫu số 01 Nghị định số 62/2014/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

– Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương;

– Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; đào tạo được cá nhân đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

– Có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, có cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, thể hiện ở việc nắm giữ kỹ năng, bí quyết thực hành di sản văn hóa phi vật thể, có thành tích, giải thưởng, sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật;

– Có thời gian hoạt động trong nghề từ mười lăm (15) năm trở lên và đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

– Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

– Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ**XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”**

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh):..... Nam, Nữ:.....

2. Tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:

4. Dân tộc:

5. Nguyên quán:

.....

6. Hộ khẩu thường trú:.....

.....

7. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:.....

8. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể.....

9. Năm được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”:

10. Điện thoại nhà riêng:Di động:.....

11. Địa chỉ liên hệ:.....

.....

12. Người liên hệ khi cần:.....

.....

.....Điện thoại:.....

13. Số lượng học trò đã truyền dạy được:.....

14. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Địa chỉ:.....

.....

Điện thoại nhà riêng:.....Di động:.....

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

(Kê khai về quá trình học tập và tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể (được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ như thế nào,...).

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....
.....

.....

V. KỶ LUẬT

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và di sản văn hóa sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”/.

....., ngày tháng năm....

Xác nhận¹

TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm....

Xác nhận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch²

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.

² Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.

3. Thủ tục Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện sáu (06) bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ và cấp Biên nhận.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao hướng dẫn để cá nhân lập hồ sơ hoặc cá nhân, tổ chức được ủy quyền lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn.

- **Bước 4:** Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”; Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc hội nghề nghiệp nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang hoạt động để đưa vào hồ sơ đề nghị xét tặng; Thông báo danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng Thành phố Hồ Chí Minh; đăng tải danh sách, bản khai thành tích của các cá nhân đề nghị xét tặng trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố để lấy ý kiến nhân dân trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc; Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

- **Bước 5:** Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau: Thẩm định về thành phần và tính chính xác, hợp lệ của các tài liệu

có trong hồ sơ; sự đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định; Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ; Thông báo công khai kết quả xét chọn trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc; Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh cùng với năm (05) bộ hồ sơ quy định đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”; Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

- **Bước 6:** Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ thực hiện quy trình xét chọn, gửi báo cáo về kết quả xét chọn đến Hội đồng cấp Nhà nước và thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bước 7:** Hội đồng cấp Nhà nước thực hiện quy trình xét chọn, hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”; gửi báo cáo xét chọn đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

- **Bước 8:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” của Chủ tịch nước.

- **Bước 9:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu) và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

+ Lần 2: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng cấp Nhà nước.

+ Lần 3: Nhận thông tin kết quả xét tặng “ danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở

Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” (theo mẫu);

+ Các tài liệu chứng minh tri thức, kỹ năng và những đóng góp đối với sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể gồm: Bảng đĩa hình, ảnh mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ; bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng, bằng khen và các tài liệu khác liên quan.

– Số lượng hồ sơ: 06 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Căn cứ theo Kế hoạch xét tặng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.

– Cơ quan nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: : Quyết định phong tặng và danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” .

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” (theo Mẫu số 02 Nghị định số 62/2014/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

– Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương;

– Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với

nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; đào tạo được cá nhân đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

– Có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, có cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, thể hiện ở việc nắm giữ kỹ năng, bí quyết thực hành di sản văn hóa phi vật thể, có thành tích, giải thưởng, sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật;

– Có thời gian hoạt động trong nghề từ mười lăm (15) năm trở lên.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

– Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

– Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. Có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Ảnh CMTND
cỡ 4 cm x 6 cm*

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ**XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”**

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh):..... Nam, Nữ:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:
4. Dân tộc:
5. Nguyên quán:
-
6. Hộ khẩu thường trú:.....
-
7. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:.....
-
8. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể.....
9. Điện thoại nhà riêng:Di động:.....
10. Địa chỉ liên hệ:.....
-
11. Người liên hệ khi cần:.....
-
-Điện thoại:.....
12. Số lượng học trò đã truyền dạy được:.....

13. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại nhà riêng:.....Di động:.....

II. QUÁ TRÌNH HỌC NGHỀ VÀ THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể (Học nghề từ ai, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có)); đã thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ như thế nào,...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....

.....

V. KỶ LUẬT

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và di sản văn hóa sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”/.

....., ngày tháng năm..... , ngày tháng năm.....

Xác nhận³
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch⁴
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

³ Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.

⁴ Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.

5. Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tác giả, đồng tác giả đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật theo chuyên ngành gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Trường hợp tác giả đã mất thì người đại diện hợp pháp của tác giả hoặc Ban Chấp hành Hội Văn học, nghệ thuật nơi tác giả là hội viên, sau khi thống nhất với người đại diện hợp pháp của tác giả, đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật theo quy định.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” cấp cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trình hồ sơ để Hội đồng cấp cơ sở thực hiện quy trình xét chọn theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” cấp cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật theo quy định; Thông báo công khai kết quả xét tặng trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ; Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; Hoàn thiện hồ sơ đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý gửi cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch và gửi một (01)

bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

- **Bước 5:** Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi một (01) bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch.

- **Bước 6:** Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi ba (03) bộ hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp trình hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”.

- **Bước 7:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định tặng và trao tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” của Chủ tịch nước.

- **Bước 8:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

– Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp cơ sở xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

– Lần 2: Nhận thông tin kết quả xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở

Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật (theo mẫu);

+ Bản sao, ảnh chụp tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được in trên khổ giấy A4, kèm theo các thông tin cơ bản về năm, tháng được công bố; tóm tắt nội dung tác phẩm;

+ Bản sao có chứng thực Quyết định tặng thưởng hoặc Giấy chứng nhận Giải thưởng quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 90/2014/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

- Giải Vàng, Giải A hoặc Giải Nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức;

- Giải thưởng cao nhất của Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thuộc lĩnh vực chuyên ngành hoặc được tặng giải cao nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế.

+ Đối với tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của tác giả là người nước ngoài mà hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực;

+ Các tài liệu khác liên quan đến tác phẩm, công trình (nếu có).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

– Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố năm (05) năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

– Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở thông báo công khai kết quả xét tặng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cơ sở tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá và lựa chọn tác phẩm, công trình trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận, xử lý các kiến nghị;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tác giả, đồng tác giả, loại trừ trường hợp đối tượng là hội viên của Hội Văn học nghệ thuật Trung ương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính, Bằng chứng nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, Mẫu tờ khai:

Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật (theo Mẫu số 1a Phụ lục Nghị định số 90/2014/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– **Điều kiện 1:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” trước mỗi đợt xét tặng

– **Điều kiện 2:** Điều kiện xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật:

+ Tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây được xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”:

- Đã công bố dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát và các hình thức khác kể từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mừng 2 tháng 9 năm 1945. Thời gian công bố tối thiểu là năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tại Sở Văn hóa và Thể thao;

- Không có tranh chấp về quyền tác giả kể từ thời điểm được công bố.

+ Tác giả có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật được xét “Giải thưởng Hồ Chí Minh” phải chấp hành tốt pháp luật Việt Nam.

– **Điều kiện 3:** Tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật :

+ Tác giả được xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” phải có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Có giá trị đặc biệt xuất sắc về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật;

- Có tác dụng to lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào việc thay đổi nhận thức của nhân dân trong sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Đặc biệt xuất sắc khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

(1) Đã được tặng Giải Vàng, Giải A hoặc Giải Nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức;

(2) Đã được tặng Giải thưởng cao nhất của Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thuộc lĩnh vực chuyên ngành hoặc được tặng giải cao nhất tại các

cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật; có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

– Thông tư số 03/2010/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật; có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2010.

Mẫu số 1a

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014
của Chính phủ)

Ảnh màu
(4x6) có
đóng dấu
giáp lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ TÁC PHẨM, CÔNG TRÌNH
Đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật
năm...

Kính gửi: Hội đồng xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh
về văn học, nghệ thuật¹

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên (khai sinh):..... Giới tính:.....
- Bí danh, bút danh.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Dân tộc:
- Nguyên quán:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Đơn vị công tác:
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ liên hệ:
- Số Chứng minh nhân dân:Ngày cấp.....Nơi cấp:.....

2. Thông tin về gia đình:

Họ và tên	Năm sinh		Quan hệ gia đình với tác giả	Cơ quan công tác	Địa chỉ thường trú
	NNam	NNữ			

3. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm ... đến tháng, năm...)</i>	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức vụ

4. Danh sách tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình đăng ký xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật (tác giả, đồng tác giả đăng ký không quá 05 tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình):

- Lĩnh vực đề nghị xét tặng Giải thưởng:.....
(ghi rõ lĩnh vực: Âm nhạc, Điện ảnh, Kiến trúc, Múa, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Văn học hoặc Văn nghệ dân gian).

TTT	Tên và mô tả về tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình	Giải thưởng của tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình	Tác giả/ đồng tác giả	Năm công bố/xuất bản

5. Khen thưởng: *(Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)*

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng

6. Kỷ luật: *(Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định).*

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

(Địa danh), ngày tháng năm....

Người đăng ký
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị hoặc
Hội Văn học nghệ thuật tỉnh/thành phố**
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Hội đồng nơi gửi hồ sơ.

6. Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tác giả, đồng tác giả đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật theo chuyên ngành gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Trường hợp tác giả đã mất thì người đại diện hợp pháp của tác giả hoặc Ban Chấp hành Hội Văn học, nghệ thuật nơi tác giả là hội viên, sau khi thống nhất với người đại diện hợp pháp của tác giả, đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật theo quy định.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” cấp cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trình hồ sơ để Hội đồng cấp cơ sở thực hiện quy trình xét chọn theo thẩm quyền.

- **Bước 4:** Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” cấp cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: tổ chức phiên họp xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật qua thẩm tra, xác minh đã đủ điều kiện giải quyết; thông báo công khai kết quả xét tặng trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý gửi cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch và gửi một (01) bộ hồ sơ đến cơ quan thường trực của Hội đồng

chuyên ngành cấp Nhà nước.

- **Bước 5:** Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi 01 (một) bộ đến cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch.

- **Bước 6:** Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận hồ sơ và có trách nhiệm: xem xét, đánh giá hồ sơ đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật theo quy định; thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch; tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả; hoàn thiện hồ sơ đủ tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật và được ít nhất 90% tổng số thành viên Hội đồng bỏ phiếu đồng ý, gửi ba (03) bộ hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp trình hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định tặng “Giải thưởng Nhà nước”.

- **Bước 7:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Lễ công bố Quyết định tặng và trao tặng “Giải thưởng Nhà nước” của Chủ tịch nước.

- **Bước 8:** Cá nhân đề nghị căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Hội đồng cấp cơ sở xem xét, kết luận và đề nghị gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước.

+ Lần 2: Nhận thông tin kết quả xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở

Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật (theo mẫu);

+ Bản sao, ảnh chụp tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” được in trên khổ giấy A4, kèm theo các thông tin cơ bản về năm, tháng được công bố; tóm tắt nội dung tác phẩm;

+ Bản sao có chứng thực Quyết định tặng thưởng hoặc Giấy chứng nhận Giải thưởng quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 90/2014/NĐ-CP của Chính phủ:

- Giải Vàng hoặc Giải A hoặc Giải Nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức;

- Giải thưởng cao của Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thuộc lĩnh vực chuyên ngành hoặc được tặng giải thưởng chính tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế.

+ Đối với tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của tác giả là người nước ngoài mà hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực;

+ Các tài liệu khác liên quan đến tác phẩm, công trình (nếu có).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

– Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được xét tặng và công bố 05 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

– Trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp cơ sở thông báo công khai kết quả xét tặng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cơ sở

tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá hồ sơ trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng chuyên ngành tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xem xét, đánh giá và lựa chọn tác phẩm, công trình trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước thông báo công khai kết quả xét tặng trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trong thời gian hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả trong Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước mỗi đợt xét tặng, Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận, xử lý các kiến nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tác giả, đồng tác giả, loại trừ trường hợp đối tượng là hội viên của Hội Văn học nghệ thuật Trung ương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước.

– Cơ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính, Bằng chứng nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, Mẫu tờ khai:

Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật (theo Mẫu số 1b Phụ lục Nghị định số 90/2014/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– **Điều kiện 1:** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” trước mỗi đợt xét tặng

– **Điều kiện 2:** Điều kiện xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật:

+ Tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây được xét tặng “Giải thưởng Nhà nước”:

- Đã công bố dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát và các hình thức khác kể từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mừng 2 tháng 9 năm 1945. Thời gian công bố tối thiểu là năm (05) năm đối với “Giải thưởng Nhà nước” và ba (03) năm đối với “Giải thưởng Nhà nước” tính đến thời điểm nộp hồ sơ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương;

- Không có tranh chấp về quyền tác giả kể từ thời điểm được công bố.

+ Tác giả có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật được xét “Giải thưởng Nhà nước” phải chấp hành tốt pháp luật Việt Nam.

– **Điều kiện 3:** Tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật:

+ Tác giả được xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” phải có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Có giá trị đặc biệt xuất sắc về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật;

- Có tác dụng to lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào việc thay đổi nhận thức của nhân dân trong sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Đặc biệt xuất sắc khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

(1) Đã được tặng Giải Vàng, Giải A hoặc Giải Nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức;

(2) Đã được tặng Giải thưởng cao nhất của Hội Văn học, nghệ thuật chuyên

ngành Trung ương thuộc lĩnh vực chuyên ngành hoặc được tặng giải cao nhất tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Nhà nước”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật; có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

– Thông tư số 03/2010/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật; có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2010.

Mẫu số 1b

(Ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4x6) có
dấu giáp lai

BẢN ĐĂNG KÝ TÁC PHẨM, CÔNG TRÌNH

Đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật năm...

Kính gửi: Hội đồng xét tặng “Giải thưởng Nhà nước”
về văn học, nghệ thuật¹

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên (khai sinh):..... Giới tính:.....
- Bí danh, bút danh.....
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Dân tộc:
- Nguyên quán:
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Đơn vị công tác:
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ liên hệ:
- Số Chứng minh nhân dân:Ngày cấp.....

Nơi cấp:.....

2. Thông tin về gia đình:

Họ và tên	Năm sinh		Quan hệ gia đình với tác giả	Cơ quan công tác	Địa chỉ thường trú
	NNam	NNữ			

3. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm ... đến tháng, năm...)</i>	Cơ quan công tác	Nghề nghiệp, chức vụ

4. Danh sách tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình đăng ký xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật (tác giả, đồng tác giả đăng ký không quá 05 tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình):

- Lĩnh vực đề nghị xét tặng Giải thưởng: (ghi rõ lĩnh vực: Âm nhạc, Điện ảnh, Kiến trúc, Múa, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Văn học hoặc Văn nghệ dân gian).

TTT	Tên và mô tả về tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình	Giải thưởng của tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình	Tác giả/đồng tác giả	Năm công bố/xuất bản

5. Khen thưởng: (Nêu các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua từ cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở)

Năm	Hình thức khen thưởng	Cơ quan quyết định khen thưởng

6. Kỷ luật: (Nêu các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên về Đảng, Chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội kèm theo bản sao quyết định).

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật./.

(Địa danh), ngày tháng năm....

Người đăng ký
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị hoặc
Hội Văn học nghệ thuật tỉnh/thành phố**
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Hội đồng nơi gửi hồ sơ.

7. Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân đang công tác trong Ngành văn hóa và thể thao Thành phố Hồ Chí Minh gửi Bản tóm tắt Quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” đến cơ quan nơi đang công tác; cá nhân công tác trong Ngành đã nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi Bản tóm tắt Quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” đến cơ quan cuối cùng trước khi nghỉ hưu.

- **Bước 2:** Thủ trưởng cơ quan nơi cá nhân nộp hồ sơ lập hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” theo quy định và gửi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 4:** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xét, lập hồ sơ và Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét, trình Bộ trưởng quyết định.

- **Bước 5:** Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

- **Bước 6:** Người đề nghị nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Tờ trình của đơn vị (theo mẫu)
- + Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị (theo mẫu).
- + Danh sách cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (theo mẫu).
- + Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích cá nhân (theo mẫu).
- + Bản sao có chứng thực các quyết định khen thưởng đối với cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, gồm:

- Công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ được nghiệm thu xếp loại Tốt; giải Vàng (giải A), Giải Bạc (giải B) tại các Cuộc thi sáng tác, biểu diễn, triển lãm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Hội Văn học Nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức, có giá trị thiết thực phục vụ cho sự nghiệp của Ngành;

- Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng các danh hiệu này.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Xét tặng 02 đợt vào Tháng 3 và Tháng 7 hàng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính, Giấy chứng nhận và Huy hiệu Kỷ niệm chương.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên Mẫu đơn, tờ khai:

- Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (theo Mẫu số 1 tại Phụ lục Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL).

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (theo Mẫu số 2 tại Phụ lục Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL);

- Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (theo Mẫu số 3 tại Phụ lục Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL);

- Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” (theo Mẫu số 4 tại Phụ lục Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân công tác trong ngành Văn hóa, Thể thao có thời gian công tác trong ngành từ hai mươi (20) năm trở lên đối với nam và mười lăm (15) năm trở lên đối với nữ (bao gồm cả thời gian được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự). Trường hợp có thời gian công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,3 để tính thời gian công tác trong ngành (theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL).

- Cá nhân công tác trong ngành Văn hóa, Thể thao có đủ thời gian công tác theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau hai (02) năm tính từ thời điểm xóa kỷ luật. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

- Những trường hợp được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với quy định:

+ Diễn viên Múa, diễn viên Xiếc, vận động viên có thời gian công tác ít hơn năm (05) năm so với thời gian công tác quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL.

+ Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm, cụm

tác phẩm, công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng các danh hiệu này.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Mẫu số 1

(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.....tháng.....năm

BẢN TÓM TẮT

**Quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng
Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”**

I. Sơ lược tiểu sử bản thân

- Họ và tên:

Giới tính:.....

- Ngày, tháng, năm sinh.....

Dân tộc:.....

(Quốc tịch: ... nếu là người nước ngoài)

- Hộ khẩu thường trú:.....

- Chức vụ và nơi công tác:

- Số năm công tác:

- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

- Số điện thoại liên lạc:.....

II. Quá trình công tác trong Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(đối với cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương là người công tác trong Ngành)*

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác

III. Tóm tắt những đóng góp cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(đối với cá nhân được xét Kỷ niệm chương là người công tác ngoài Ngành, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài).

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
đối với cá nhân công tác trong Ngành
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(Ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trình hồ sơ
về thành tích đề nghị khen thưởng**
*(đối với cá nhân công tác ngoài Ngành,
người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài)*
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

HỘI ĐỒNG THI ĐUA-
KHEN THƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG**Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”**

Hội đồng Thi đua-Khen thưởng¹ họp phiên toàn thể xét trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” cho các cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thời gian: giờ..... phút ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm:

Chủ trì cuộc họp: Đ/c....., Chủ tịch Hội đồng Thi đua-Khen thưởng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền).

Thư ký cuộc họp: Đ/c....., chức vụ..... Thư ký Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng Thi đua-Khen thưởng..... dự họp: có... thành viên, gồm các đồng chí:

1. Đ/c..... chức vụ..... Chủ tịch Hội đồng Thi đua-Khen thưởng;
2. Đ/c..... chức vụ..... Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua-Khen thưởng;
3. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
4. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
5. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
6. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên;
7. Đ/c..... chức vụ..... Ủy viên, Thư ký Hội đồng.

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) đọc báo cáo tóm tắt thành tích của từng cá nhân, Hội đồng đã thảo luận, phân tích, đánh giá thành tích của từng cá nhân theo các quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng “Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

(nêu tóm tắt các ý kiến của thành viên Hội đồng)

Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín:

- Số phiếu phát ra:

- Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

* **Kết quả kiểm phiếu như sau** (*xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp*)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm.....

Thư ký cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Tên đơn vị có hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Cơ quan cấp trên.....
Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Nghề nghiệp, Chức vụ, Nơi công tác	Đối tượng (Điều 5 đến Điều 8)	Quá trình hoạt động trong ngành VHTTDL		Tổng số năm công tác trong ngành VHTTDL	Tóm tắt thành tích (đối tượng xét theo Điều 6, 7 và 8)	Ghi chú
		Nam	Nữ			Từ tháng, năm đến tháng, năm	Làm gì, ở đâu			
1										
2										
3										

Người lập danh sách
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... .. tháng... .. năm

BẢN TÓM TẮT

**Quá trình công tác và thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
“Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”**

I. Sơ lược tiểu sử bản thân

- Họ và tên:

Giới tính:

- Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

(Quốc tịch: nếu là người nước ngoài)

- Hộ khẩu thường trú:

- Chức vụ và nơi công tác:

- Số năm công tác:

- Ngày nghỉ hưu (nếu có):

- Số điện thoại liên lạc:

II. Quá trình công tác trong Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(đối với cá nhân được xét tặng Kỷ niệm chương là người công tác trong Ngành)*

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác

III. Tóm tắt những đóng góp cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

(đối với cá nhân được xét Kỷ niệm chương là người công tác ngoài Ngành, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài).

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(đối với cá nhân công tác trong Ngành)
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai ký tên
(Ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị trình hồ sơ
về thành tích đề nghị khen thưởng**
(đối với cá nhân công tác ngoài Ngành, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài)
(Ký tên, đóng dấu)

III. Lĩnh vực Mỹ thuật và Triển lãm:

1. Thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật:

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức cuộc thi, cá nhân, tổ chức có nhu cầu tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân có nhu cầu tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi thông báo bằng văn bản và hồ sơ thông báo đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, trả lời xác nhận. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật, tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi phải gửi báo cáo kết quả cuộc thi bằng văn bản đến Sở Văn hóa và Thể thao. Báo cáo kết quả cuộc thi phải nêu rõ các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức; số lượng người tham gia thi; số lượng tác phẩm dự thi và kết quả giải thưởng (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (nội dung thông báo phải nêu rõ: tên cuộc thi, địa điểm, thời gian tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật.

Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tổ chức sáng tác tác phẩm tại Việt Nam, thông báo phải nêu rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phối hợp tổ chức thi

+ Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

• Đề án tổ chức cuộc thi:

(1) Tên hoặc chủ đề cuộc thi;

(2) Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi;

(3) Cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng (nếu có giải thưởng);

(4) Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, người dự thi;

(5) Thành phần Ban Chỉ đạo (nếu có), Ban Tổ chức, Hội đồng nghệ thuật hoặc Ban giám khảo;

(6) Nguồn kinh phí tổ chức cuộc thi;

(7) Mẫu phiếu đăng ký tham dự cuộc thi.

• Thể lệ cuộc thi phải quy định rõ đối tượng tham dự, điều kiện, tiêu chí, nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.

+ Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các bên.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động Mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

– Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2014.

2. Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp Thành phố):

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép triển lãm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Sau khi được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật, nếu có thay đổi về nội dung, thời gian, địa điểm, thiết kế trưng bày triển lãm thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp giấy phép.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu);

+ Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác;

+ Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch;

+ Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh, môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không (Mục 2, Chương II, Nghị định 113/2013/NĐ-CP)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp Giấy phép (theo mẫu số 01 Nghị định 113/2013/NĐ-CP)

– Mẫu Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam (theo mẫu số 03 Nghị định 113/2013/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Địa điểm tổ chức triển lãm phải có diện tích, trang thiết bị đáp ứng với quy mô của triển lãm; đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động Mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

– Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ

trường Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2014.

– Quyết định 34/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Mẫu số 01*(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013)***TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị:

Địa
chỉ:

Điện thoại Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam:

- Tiêu đề của triển lãm:

- Địa điểm trưng bày:

- Thời gian trưng bày từ đến:

- Số lượng tác phẩm:

- Số lượng tác giả:

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam.

....., ngày tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)**(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)*

Mẫu số 03*(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013)***TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP¹****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

Xét đề nghị của:

(văn bản đề nghị ngày:))

(1).....cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam.

- Tiêu đề triển lãm:
- Đơn vị tổ chức:
- Địa điểm trưng bày:
- Thời gian trưng bày:
- Số lượng tác phẩm:
- Số lượng tác giả:
- Giấy phép có giá trị trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cấp.

GIÁM ĐỐC*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

2. Thủ tục cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu);

+ Ảnh màu kích thước 18x24 cm chụp bản mẫu và bản sao;

+ Bản sao chứng thực hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ,

hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp Giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ (theo mẫu số 05 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).

– Mẫu giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ (theo mẫu số 06 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

– Việc sao chép tác phẩm mỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

– Tổ chức, cá nhân hành nghề sao chép, trưng bày tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ phải bảo đảm sự tôn kính.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động Mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

– Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2014.

Mẫu số 05*(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013)***TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SAO CHÉP TRANH, TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA,
ANH HÙNG DÂN TỘC LÃNH TỰ**

Kính gửi:

Tên cá nhân/tổ chức đề nghị

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị được cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ:

Tên tác phẩm (bản mẫu)

Tên tác giả (bản mẫu)

Khuôn khổ bản sao chép:

Chất liệu bản sao chép:

Số lượng bản sao chép:

Tên cá nhân/tổ chức sao chép:

Địa chỉ cá nhân/tổ chức sao chép:

Mục đích sử dụng:

Địa điểm sử dụng:

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về sao chép tác phẩm mỹ thuật và các quy định liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ.

....., ngày tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)**(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)*

Mẫu 06*(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ
 DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-SC/...

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
**SAO CHÉP TRANH, TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA,
 ANH HÙNG DÂN TỘC, LÃNH TỰ**

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

Xét đề nghị của:

(Văn bản đề nghị ngày))

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ:

Tên tác phẩm (bản mẫu):

Tên tác giả (bản mẫu):

Khuôn khổ bản sao chép:

Chất liệu bản sao chép:

Số lượng bản sao chép:

Tên cá nhân/tổ chức sao chép:

Địa chỉ cá nhân/tổ chức sao chép:

Đơn vị sử dụng:

Mục đích sử dụng:

Địa điểm sử dụng:

GIÁM ĐỐC*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

3. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng gửi hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:**

Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo thẩm quyền :

+ Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng dưới đây phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch thì trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do:

- Công trình tượng đài, tranh hoành tráng cấp quốc gia;
- Công trình tượng đài, tranh hoành tráng về Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây dựng trong khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi

chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu);
- + Quyết định chọn mẫu phác thảo bước hai của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp bốn mặt cỡ ảnh 18 x 24 cm có kèm chú thích;
- + Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.
- Số lượng hồ sơ: (02) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;
- Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng hoặc văn bản trả lời không cấp giấy phép có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.(theo mẫu số 7 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).
- Mẫu Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng .(theo mẫu số 8 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP
ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Chủ đầu tư:.....
- + Người đại diện:..... Chức vụ:.....
- + Địa chỉ:..... Điện thoại:.....
- Đề nghị cấp giấy phép xây dựng
- Công trình:.....
- Đề tài, nội dung:.....
- Khối lượng:.....
- Tượng: (kích thước)..... Chất liệu:.....
- Phù điêu: (kích thước)..... Chất liệu:.....
- Tranh hoành tráng: (kích thước)..... Chất liệu:.....
- Nguồn vốn:.....
- Dự toán kinh phí được thẩm định theo văn bản số:.....
- Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành công trình:.....
- Địa điểm xây dựng:
- Diện tích mặt bằng:
- Hướng chính của tượng đài:.....
- Tác giả:.....
- + Địa chỉ:..... Điện thoại:.....
- Mẫu phác thảo được Hội đồng Nghệ thuật duyệt chọn theo văn bản số:.....
- Đơn vị thể hiện phần mỹ thuật:
- Lời cam kết:

- Xin cam đoan thực hiện đúng giấy phép được cấp, nếu sai phạm xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

- Xin gửi kèm theo: Bản sao công chứng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 8

(Ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP
ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GP-MT/....

... .., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG**

- Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.
- Căn cứ công văn số:/..... ngày tháng... năm của... về việc đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

- Cấp giấy phép cho:
- Xây dựng công trình
- Đề tài, nội dung:
- Tượng: (kích thước) Chất liệu:
- Phù điêu: (kích thước)..... Chất liệu:
- Tranh hoành tráng: (kích thước)..... Chất liệu:
- Nguồn vốn:
- Dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền thẩm định theo văn bản số:
- Diện tích mặt
bằng:
- Tác
giả:
- Địa chỉ: Điện
thoại:
- Mẫu phác thảo được Hội đồng Nghệ thuật duyệt chọn theo văn bản số:
- Đơn vị thể hiện phần mỹ
thuật:

Những điều cần lưu ý:

-
- Chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ.
 - Giấy phép này có hiệu lực trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký; quá thời hạn trên mà chưa khởi công công trình phải có công văn đề nghị gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Các bên liên quan;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu);

+ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Thẻ lệ.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận

đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc hoặc văn bản trả lời không cấp giấy phép có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Theo Mẫu số 9 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).
- Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (Theo Mẫu số 10 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC :

- Không có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- Cơ quan, tổ chức Việt Nam đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có chức năng hoạt động văn hóa nghệ thuật;
- + Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- + Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điêu khắc.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

Mẫu số 9

(Ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP
ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ).

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC ĐIỀU KHẮC

Kính gửi:

- Tên cơ quan, tổ chức đề nghị:.....
- Người đại diện:..... Chức vụ:.....
- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....
- Đề nghị được cấp giấy phép tổ chức Trại sáng tác điều khắc (tên trại sáng tác điều khắc).....
- Chủ đề:.....
- Số lượng tác giả:
 - + Quốc tịch Việt Nam:.....
 - + Quốc tịch nước ngoài:.....
- Số lượng tác phẩm:.....
- Chất liệu:.....Kích thước tác phẩm:.....
- Nguồn vốn:
- Thời gian từ:đến.....
- Địa điểm tổ chức trại sáng tác:.....
- Chủ sở hữu tác phẩm:.....

Lời cam kết:

Xin cam đoan thực hiện đúng nội dung giấy phép được cấp; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 10

(Ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP
ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ).

**TÊN CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-TSTĐK

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP
TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC ĐIỀU KHẮC**

- Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.
- Xét đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức Trại sáng tác điều khắc ngày ... tháng... năm của (cơ quan/tổ chức đề nghị cấp giấy phép)

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP)

- Cấp cho:
- Được phép tổ chức Trại sáng tác điều khắc
- Chủ đề:
- Số lượng tác giả:
- Số lượng tác phẩm:
- Chất liệu:
- Nguồn vốn:
- Thời gian:
- Địa điểm tổ chức trại:
- Chủ sở hữu tác phẩm:

Những điều cần lưu ý:

- Cơ quan, đơn vị tổ chức trại sáng tác điều khắc phải thực hiện đúng nội dung giấy phép và các quy định tại Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ.
- Giấy phép này có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Quá thời hạn trên mà không tổ chức trại sáng tác điều khắc, phải làm lại thủ tục xin cấp giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
GIẤY PHÉP**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

6. Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Giấy phép cấp cho triển lãm mỹ thuật đưa ra trưng bày ở nước ngoài là căn cứ để làm thủ tục hải quan.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài (theo mẫu);

+ Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác;

+ Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch;

+ Giấy mời hoặc văn bản thỏa thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm hoặc văn bản từ chối từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp Giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài (theo mẫu số 02 Nghị định 113/2013/NĐ-CP)

– Mẫu Giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài (theo mẫu số 04 Nghị định 113/2013/NĐ-CP)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động Mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

– Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2014.

– Quyết định 34/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 31 tháng 10 năm 2014.

Mẫu 02

(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ĐƯA TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:

Tên cá nhân/ tổ chức đề nghị:

Địa

chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

Tiêu đề triển lãm:

Địa điểm trưng bày:

Quốc gia:

Thời gian trưng bày từ:

..... đến

Số lượng tác phẩm:

Số lượng tác giả:

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm và pháp luật của nước sở tại.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài.

....., ngày tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

Mẫu 04

(Ban hành kèm theo Nghị định 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN
CẤP PHÉP¹**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP
ĐƯA TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

Xét đề nghị của:

(1)..... cấp giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

- Tiêu đề triển lãm:
- Đơn vị tổ chức:
- Địa điểm trưng bày:
- Quốc gia:
- Thời gian trưng bày:
- Số lượng tác phẩm gửi đi:
- Số lượng tác giả:
- Giấy phép có giá trị trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cấp.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

IV. Văn hoá cơ sở.

1. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức Lễ hội

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Trước ngày dự định khai mạc lễ hội ít nhất là 30 (ba mươi) ngày làm việc, tổ chức muốn tổ chức lễ hội quy định dưới đây phải gửi đơn đề nghị cấp giấy phép tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Lễ hội được tổ chức lần đầu;

+ Lễ hội được khôi phục lại sau nhiều năm gián đoạn;

+ Lễ hội đã được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống;

+ Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức Việt Nam tổ chức;

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Bước 4: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm cấp giấy phép tổ chức lễ hội, trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

– Bước 5: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13

giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội (Ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống, thời gian, địa điểm tổ chức, dự định thành lập Ban Tổ chức lễ hội, cam kết đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo an ninh, trật tự trong lễ hội) (theo mẫu số 22 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL);

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

– Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm cấp giấy phép tổ chức lễ hội.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:.

Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội (theo mẫu 22 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL).

h) Phí, lệ phí: Không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép tổ chức lễ hội hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi tổ chức lễ hội, cơ quan, tổ chức phải thành lập Ban Tổ chức trừ trường hợp lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài thực hiện.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

– Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

– Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2011.

– Thông tư 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Mẫu 01

(Ban hành theo Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC LỄ HỘI

Kính gửi..... *(Tên cơ quan cấp giấy phép)*

.....

Tên cơ quan, tổ chức *(đề nghị cấp phép)*

.....

Địa chỉ

.....

Điện thoại

.....

Đề nghị *(Tên cơ quan cấp giấy phép)*

.....

cấp giấy phép tổ chức lễ hội

.....

Nội dung lễ hội *(ghi rõ nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với truyền thống)*

.....

Thời gian tổ chức:

Địa điểm tổ chức:

Thành phần Ban Tổ chức lễ hội:

Cam kết:

Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, không vi phạm các quy định cấm tại Điều 3 Quy chế hoạt động văn hóa và Điều 5 Thông tư quy định về tổ chức lễ hội./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN,
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 02

(Ban hành theo Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TW.....
(hoặc SỞ VH TTDL HOẶC SỞ
VHTT... đối với trường hợp được
phân cấp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP TỔ CHỨC LỄ HỘI

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Xét đề nghị của:

Tại văn bản đề nghị số: ngày tháng năm

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao đối với trường hợp được phân cấp)
..... cấp phép tổ chức lễ hội:

1. Tên cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội (địa chỉ, số điện thoại):

.....

2. Tên lễ hội:

.....

3. Thời gian tổ chức:

4. Địa điểm tổ chức:

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục Tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn:

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện quảng cáo, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn gửi hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trong sổ tiếp nhận hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao có ý kiến trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân thông báo sản phẩm quảng cáo. Trong trường hợp không đồng ý với các nội dung trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo của tổ chức, cá nhân, Sở Văn hóa và Thể thao phải trả lời, nêu rõ lý do và yêu cầu nội dung cần chỉnh sửa.

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn (Mẫu số 5 ban hành phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch)

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo.

+ Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo, gồm:

- Quảng cáo thuốc được phép quảng cáo theo quy định của pháp luật về y tế; phải có giấy phép lưu hành tại Việt Nam đang còn hiệu lực và tờ hướng dẫn sử dụng do Bộ Y tế phê duyệt;
- Quảng cáo mỹ phẩm phải có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định của pháp luật về y tế;
- Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phải có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp;
- Quảng cáo sữa và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không thuộc quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Luật Quảng cáo phải có giấy chứng nhận tiêu chuẩn, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm dinh dưỡng sản xuất trong nước; đối với sản phẩm dinh dưỡng nhập khẩu thì phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất và giấy phép lưu hành;
- Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm phải có giấy chứng nhận đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc giấy tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải công bố tiêu chuẩn;
- Quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn hành nghề do ngành y tế cấp theo quy định của pháp luật;
- Quảng cáo trang thiết bị y tế phải có giấy phép lưu hành đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước hoặc giấy phép nhập khẩu đối với thiết bị y tế nhập khẩu;
- Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật. Quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật phải có giấy phép kiểm dịch thực vật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp;

- Quảng cáo thuốc thú y, vật tư thú y phải có giấy phép lưu hành sản phẩm và bản tóm tắt đặc tính của sản phẩm;

- Quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm.

- + Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội.

- + Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức.

- + Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn.

- + Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo.

- + Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Luật Quảng cáo.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư 10/2013/TT-BVHTDL).

- Mẫu Giấy tiếp nhận (theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTDL)

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

– Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

Mẫu 05

(Ban hành theo kèm theo Thông tư 10/2013/TT-BVHTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO
TRÊN BẢNG QUẢNG CÁO, BẢNG-RÔN

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố.....

1. Tên người thực hiện.....
 - GPKD số do..... cấp (nếu là doanh nghiệp)
 - Số chứng minh thư nhân dân: Ngày cấp: Nơi cấp: (nếu là cá nhân)
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại:
2. Nội dung trên bảng quảng cáo, bảng-rôn:
3. Địa điểm thực hiện:.....
4. Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm.....đến ngàytháng... năm...
5. Số lượng:.....
6. Phương án tháo dỡ (nếu có):
7. Tôi (chúng tôi) xin cam kết làm theo nội dung thông báo nêu trên và tháo dỡ đúng thời hạn ghi trong thông báo. Nếu có sai phạm, tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN CƠ QUAN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

GIẤY TIẾP NHẬN

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax:.....

Email:..... Website (nếu có):

Ngàytháng.....năm..... đã nhận của ông/bà:.....

là:.....

Các giấy tờ về việc:

Gồm:

1.

2.

3.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu treo)

3. Thủ tục Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tổ chức đoàn người quảng cáo, tổ chức, cá nhân tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo gửi hồ sơ thông báo đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Văn hóa và Thể thao không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức hoặc cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Số lượng, thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo ghi rõ nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo, thời gian và lộ trình thực hiện.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội.
Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Quyết định 34/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

– **Bước 4:** Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nếu không cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

– **Bước 5:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Văn phòng đại diện phải hoạt động và có văn bản thông báo cho Sở Văn hóa và Thể thao về thời điểm bắt đầu hoạt động, địa điểm đặt trụ sở, số người Việt Nam, số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện, nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp tại Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (theo mẫu);

+ Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận;

+ Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Các giấy tờ quy định tại Mục (2) và Mục (3) nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ

d) Thời hạn giải quyết: mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: 3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư 66/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (theo mẫu số 06 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL).

– Mẫu Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo

nước ngoài tại Việt Nam (theo mẫu số 07 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL);

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

– Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

Mẫu số 06

(Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của doanh nghiệp:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện:(ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:(nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)...

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

- Họ và tên:..... Giới tính:.....

- Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

- Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung

đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN VỊ CẤP PHÉP**

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**Số:.....**

Cấp lần đầu: ngày ... tháng ... năm...

Điều chỉnh lần thứ...: ngày ... tháng ... năm...

Gia hạn lần thứ...: ngày ... tháng ... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN VỊ CẤP PHÉP**TỈNH /THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

Căn cứ Thông tư số Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của..... (tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài),

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép..... (ghi bằng chữ in hoa theo tên doanh nghiệp ghi trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

- Nơi đăng ký thành lập/đăng ký kinh doanh:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Lĩnh vực hoạt động chính:

được thành lập Văn phòng đại diện tại (tỉnh/thành phố).....

Điều 2. Tên Văn phòng đại diện

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong

đơn đề nghị)

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị)

- Tên viết tắt: (nếu có)

Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện theo đơn đề nghị)

Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa) Giới tính:

Quốc tịch:

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:

Do: cấp ngày: ... tháng năm tại

Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Luật quảng cáo và quy định pháp luật có liên quan).

1.

2.

Điều 6. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho: (tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài theo đơn đề nghị); 01 (một) bản lưu tại tỉnh/thành phố./.

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)

5. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Thay đổi tên gọi;

+ Thay đổi phạm vi hoạt động;

+ Thay đổi người đứng đầu;

+ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nếu không cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

– **Bước 4:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp tại Sở văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có chứng thực.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư 66/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (theo Mẫu số 08 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL).

– Mẫu Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (theo mẫu số 07 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL);

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ

ngày 01 tháng 01 năm 2014.

– Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

Mẫu số 08**Mẫu Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài***(Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do cấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:.....

Do cấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam :..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo

Giấy phép).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân

Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các sự thay đổi dưới đây, Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút):

+ Thay đổi tên gọi hoặc nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài sang nước khác;

+ Thay đổi hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;

+ Giấy phép bị mất, rách.

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định..

– **Bước 3:** Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

– **Bước 4:** Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– **Bước 5:** Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Văn phòng đại diện phải hoạt động và có văn bản thông báo cho Sở Văn hóa và Thể thao về thời điểm bắt đầu hoạt động, địa điểm đặt trụ sở, số người Việt Nam, số người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện, nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp tại Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định (theo mẫu);

+ Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Trường hợp Giấy phép bị mất phải có giấy xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất Giấy phép.

– Số lượng hồ sơ: (01) bộ

d) Thời hạn giải quyết: mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư 66/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (theo Mẫu số 09 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL)

– Mẫu Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (theo mẫu số 07 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL);

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

– Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

Mẫu số 09**Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài**

(Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Địa điểm, ngày... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG
ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện: (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:.....

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam :..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo

Giấy phép).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh thư nhân dân:.....

Docấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

V. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh:

1. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao:

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nhập khẩu Văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tại số 03 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
+ Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

+ Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;

+ Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương;

+ Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép.

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thẩm định và cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thì thời hạn tối đa là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13

giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận bản quyền tác giả, bản dịch tóm tắt nội dung phim; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật, cụ thể:

- Cá nhân, tổ chức nhập khẩu phim để phổ biến theo quy định của pháp luật phải cung cấp giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt nội dung phim.

- Cá nhân, tổ chức nhập khẩu di vật, cổ vật phải cung cấp giấy chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật.

- Cá nhân, tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận chuyển văn hóa phẩm nhập khẩu cho khách hàng phải cung cấp giấy ủy quyền.

+ Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp văn hóa phẩm nhập khẩu và tờ khai hải quan (bản sao không cần chứng thực) để cơ quan cấp giấy phép giám định.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

– Hai (02) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải xin ý kiến các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: 20.000 đồng/giấy phép

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (theo mẫu đơn ký hiệu BM.NK Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

– Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

– Quyết định số 68/2006/QĐ-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung và lệ phí cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm. Có hiệu lực từ ngày 04 tháng 01 năm 2007.

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu BM.NK

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép).....

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn
hoá phẩm dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu và quản lý, sử dụng văn hoá phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép

(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.GP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VHPNK

GIẤY PHÉP
NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM

Căn cứ Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số .../2012/TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Căn cứ đề nghị của..... tại văn bản số (hoặc đơn).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đồng ý đề:

Được nhập khẩu những văn hoá phẩm theo bảng kê dưới đây

SỐ TT	LOẠI VĂN HOÁ PHẨM	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG
Số vận đơn lô hàng hoặc giấy báo nhận hàng			

Gửi từ:.....

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

... .., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Giấy phép có giá trị trong 60 ngày.

2. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương.

a) Trình tự thực hiện:

– **Bước 1:** Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm phải được giám định trước khi xuất khẩu nộp hồ sơ đề nghị giám định tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tại số 3 Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, Quận 1 từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– **Bước 3:** Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá mười lăm (15) ngày làm việc, Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu giám định, lập biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu cho cá nhân, tổ chức. Biên bản giám định văn hóa phẩm là cơ sở để cơ quan hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

– **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở của Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm (theo mẫu);

+ Văn hóa phẩm đề nghị giám định;

+ Bản sao quyết định cho phép hợp tác làm phim với nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền; bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

Không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

– Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Kiểm tra văn hoá phẩm xuất nhập khẩu

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

STT	Loại Văn hoá phẩm	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Các loại ấn phẩm		
1.1	Sách, báo, tạp chí các loại	Cuốn/tờ	10.000
1.2	Tranh in, ảnh, lịch các loại	Cuốn/tờ	20.000
1.3	Các loại ấn phẩm khác	Tác phẩm	5.000
2	Các sản phẩm nghe nhìn ghi trên mọi chất liệu		
2.1	Phim truyện có độ dài đến 100 phút	Tập	50.000
2.2	Phim truyện có độ dài từ 101 phút trở lên	Tập	80.000
2.3	Phim (tài liệu, khoa học, hoạt hình...) có độ dài đến 60 phút	Tập	20.000
2.4	Phim (tài liệu, khoa học, hoạt hình...) có độ dài từ 61 phút trở lên	Tập	40.000
2.5	Các loại khác (bao gồm cả sách điện tử)	Tập	20.000

3	Tác phẩm mỹ thuật trên mọi chất liệu		
3.1	Tác phẩm mỹ thuật là đồ mới sản xuất	Tác phẩm	10.000
3.2	Tác phẩm mỹ thuật là đồ giả cổ	Tác phẩm	50.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (theo mẫu BM.GĐ Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

– Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu (theo mẫu BM.BBGĐ Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

– Niêm phong văn hóa (theo mẫu BM.NP Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

– Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

– Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

– Thông tư 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

– Quyết định số 68/2006/QĐ-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung và lệ phí cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm. Có hiệu lực từ ngày 04 tháng 01 năm 2007.

– Quyết định số 1800/QĐ-UB-NC ngày 11 tháng 6 năm 1994 về việc cho phép đổi tên Phòng Quản lý xuất nhập văn hoá thành Phòng Kiểm tra Văn hoá phẩm xuất nhập khẩu.

Mẫu BM.GĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.GĐ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HOÁ PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(hoặc) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân (đề nghị giám định).....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị (tên cơ quan giám định) giám định văn hoá phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.BBGĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.BBGĐ

**BỘ/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BBGĐNPXK

... , ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG
VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU**

Theo đề nghị của (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) về việc

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh và Thông tư số.../TT-BVHTTDL ngày... tháng... năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

Bộ/Sở văn hóa, thể thao và du lịch (cơ quan giám định và niêm phong) đã giám định và niêm phong số văn hóa phẩm dưới đây:

Số lượng:

Loại văn hóa phẩm:

Nội dung:

..... (đối với di vật, cổ vật phải mô tả hiện vật).

Toàn bộ số văn hóa phẩm trên đã được niêm phong

Đề nghị (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định) làm các thủ tục để xuất khẩu số văn hóa phẩm trên tại cơ quan Hải quan có thẩm quyền theo quy định./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỊNH VÀ NIÊM PHONG**
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu BM.NP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BM.NP



(Xem tiếp Công báo 133+134)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng